



Cô: Thủy Lê



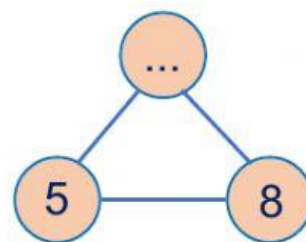
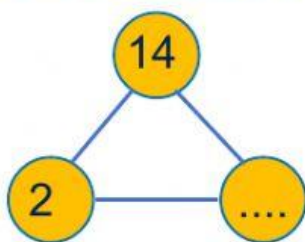
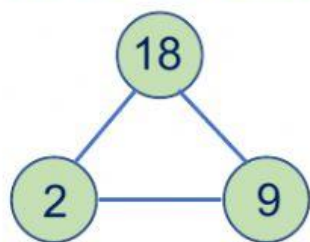
Kiến thức trọng tâm

- Bảng chia 5.
- Luyện tập chung.

Bài 1: Chọn câu trả lời đúng:

1. Trong phép chia $35 : 5 = 7$. Số 5 được gọi là gì?
A. Số bị chia B. Thương C. Số chia D. Tích
2. Phép chia $45 : 5$ có kết quả nào sau đây?
A. 40 B. 5 C. 9 D. 8
3. Trong phép chia $..... : 5 = 7$. Số cần điền vào chỗ chấm là số nào ?
A. 25 B. 30 C. 35 D. 45
4. Kết quả của phép chia $16 : 2$ là bao nhiêu ?
A. 14 B. 8 C. 9 D. 18
5. Tìm thương trong phép chia biết số bị chia là 18, số chia là 2.
A. 16 B. 10 C. 8 D. 9
6. Một số nhân 5 rồi cộng 15 được 50. Đó là số nào ?
A. 5 B. 7 C. 20 D. 35
7. Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất ?
A. $35 - 5$ B. $40 : 5$ C. $18 : 2$ D. 2×9
8. Cho phép tính $... : 5 = 6$. Số cần điền vào chỗ chấm là số nào ?
A. 20 B. 1 C. 30 D. 25
9. Đoạn dây dài 16 m. Đem cắt thành các đoạn, mỗi đoạn dài 2 m. Hỏi cắt được bao nhiêu đoạn ?
A. 8 m B. 8 dm C. 14 m D. 8 đoạn

10. Số cần điền vào chỗ chấm là số nào ?



A. 12 và 13

B. 6 và 16

C. 8 và 16

D. 7 và 40

Bài 2: Điền số thích hợp vào ô trống.

$14 : \square = 7$

$\square : 2 = 8$

$5 \times \square = 15$

$2 \times \square = 31 - 15$

$45 : \square = 3 \times 3$

$\square : 2 = 40 : 5$

$25 : 5 = \square$

$15 : 3 = \square$

$5 \times \square = 5$

$20 : \square = 4$

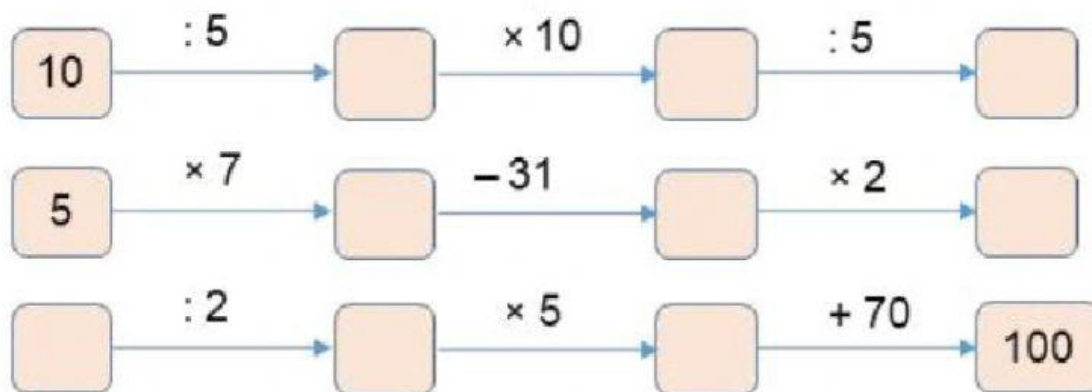
$\square : 5 = 8$

$2 : \square = 1$

$5 \times \square = 81 - 66$

$2 \times \square = 3 \times 6$

$\square \times 5 = 5 \times 10$



Bài 3: Tính:

$35 \text{ túi} : 5 = \dots$

$25 \text{ con} : 5 = \dots$

$18 \text{ kg} : 2 = \dots$

$20 \text{ dm} : 5 = \dots$

$40 \text{ dm} : 5 = \dots$

$30 \text{ phút} : 5 = \dots$

$50 \text{ cm} : 5 \text{ cm} = \dots$

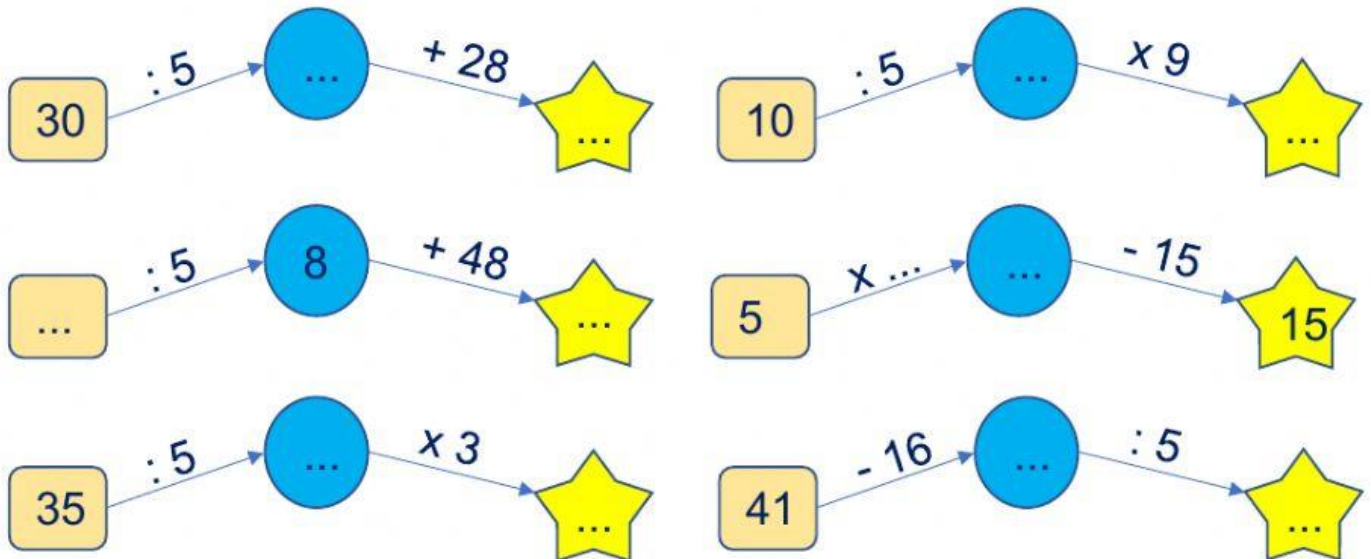
$50 \text{ quả} : 5 \text{ quả} = \dots$

Bài 4: Số ?



Số bị chia	45				10	25		15	
Số chia	5	5	5	5			5	5	5
Thương		6	7	4	5	5	10		8

Bài 5: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



Bài 6: Nối các phép tính có kết quả bằng nhau.

$45 : 5 + 14$

$35 : 5 \times 2$

$2 \times 8 - 2$

$45 : 5 \times 2$

5×6

$5 \times 3 + 15$

$40 : 5 + 15$

2×9

Bài 7: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Bà có một số cái bánh. Bà chia đều cho 2 cháu, mỗi cháu được 5 cái bánh thì bà còn lại 1 cái bánh. Lúc đầu bà có cái bánh.

b) Bà có 15 cái bánh. Bà chia cho 2 cháu, mỗi cháu 5 cái bánh. Bà còn lại cái bánh.

c) Bà có một số bánh. Bà chia cho 2 cháu, mỗi cháu được 8 cái bánh thì vừa hết số bánh đó. Lúc đầu bà có cái bánh.